

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trung

2. Ông Đào Quyết Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Công T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh T (có mặt)

2- Bị đơn: Chị Vũ Thị Huyền A, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh V (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phạm Công T trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị Huyền A vào ngày 02/2/2016, trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh T. Sau khi cưới, chị A về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh được khoảng 3 tháng thì vợ chồng chuyển lên nhà mẹ đẻ chị A ở xã Đ ở. Đến đầu năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2019, vợ chồng ly

thân nhau cho đến nay, anh đã nhiều lần mong muốn dàn xếp, hòa giải nhưng không được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung là Phạm Công T1, sinh ngày 21/9/2016 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/9/2018. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị A. Ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi cháu Đ, để chị A trực tiếp nuôi cháu T1. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Trước tháng 5/2022, anh làm công nhân tại Công ty ViNaConex6, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 5/2022, anh chuyển sang làm việc tại Công ty Sông Đà 5, thu nhập khoảng 23.000.000đ/tháng và anh đang sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã H, huyện H, tỉnh T.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải tại Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị Huyền A trình bày: Chị xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh T trình bày là đúng. Kết hôn xong chị về chung sống cùng gia đình anh T được 3 tháng thì anh T có mâu thuẫn với bố mẹ đẻ nên vợ chồng chị chuyển về xã Đ, huyện L, tỉnh V (nhà của mẹ đẻ chị) sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ngoại tình, có tính gia trưởng, bảo thủ, mâu thuẫn với mẹ chị và người thân trong gia đình chị, muốn đưa mẹ con chị về xã H, huyện H, tỉnh T sinh sống nhưng chị không đồng ý, vợ chồng làm ăn kinh tế thua lỗ, không bao ban được nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, chị có yêu cầu ly hôn nhưng gia đình động viên, dàn xếp nên vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau cho đến đầu năm 2019, anh T về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện H và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ thời điểm ly thân nhau đến nay vợ chồng không dàn xếp gì. Nay anh T xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị xác định như anh T trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm nhân viên thiết kết tại Công ty Cổ phần ánh sáng Việt KLM. Thu nhập khoảng 8.000.000đ đến 12.000.000đ/tháng, có nhà đất riêng và đang ở chung cùng với mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ. Bản thân anh T làm việc đi đây đi đó, không trực tiếp nuôi con mà gửi con về cho gia đình nuôi, có tính cách côn đồ, thô bạo, bạo hành vợ, người nhà của vợ nên không có đạo đức, không đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của anh T, chị A trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Công T, cho anh T được ly hôn chị A; đề nghị giao cho mỗi người nuôi 01 con chung, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không có và không yêu cầu nên không xem xét; án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Phạm Công T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là chị Vũ Thị Huyền A có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Công T và chị Vũ Thị Huyền A là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế thua lỗ, khó khăn, không bao ban được nhau, mâu thuẫn giữa gia đình nhà chị A với anh T dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và ly thân nhau từ năm 2019 đến nay.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng của anh T và chị A đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị A đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh T xin ly hôn, chị A nhất trí. Xét yêu cầu của đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh T và chị A đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung Phạm Công T1, sinh ngày 21/9/2016 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/9/2018. Ly hôn, anh T đề nghị trực tiếp nuôi cháu Đ, để chị A trực tiếp nuôi cháu T1. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Còn chị A đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng. Lý do chị A xin nuôi cả hai con là: chị có công việc ổn định, thu nhập từ 8.000.000-

12.000.000đ/tháng; có nhà, đất riêng; 2 đứa con đã sinh sống với chị từ năm 2016 đến nay; có người hỗ trợ đưa đón các con đi học hàng ngày. Hơn nữa, anh T không có điều kiện chăm sóc con (công việc thường xuyên di chuyển, không có nhà, đất riêng), có tính cách côn đồ, thô bạo, bạo hành vợ và hành hung người nhà vợ, không có đủ đạo đức để nuôi dạy con cái.

Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau. Hiện nay, anh T là công nhân làm việc tại Công ty Sông Đà 5; chị A là công nhân làm việc tại công ty cổ phần Ánh Sáng Việt KLM, cả hai anh chị đều có thu nhập và anh T không có nhà, đất ở riêng nhưng đang ở cùng bố, mẹ đẻ của anh; chị A có nhà, đất ở riêng (chưa làm thủ tục sang tên, cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất) và cũng ở chung cùng mẹ đẻ chị. Lý do chị A xin nuôi cả hai con là do chị cho rằng: anh T không quan tâm chăm sóc các con, có tính cách côn đồ, thô bạo, bạo hành vợ, người nhà vợ, không có đạo đức để nuôi dạy con cái nhưng chị A lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh T có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc có lối sống đồi trụy hoặc xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giao cho mỗi người nuôi một con chung. Do cháu T1 đang độ tuổi vào lớp 1, cần ổn định nơi ở cho cháu yên tâm học tập nên cần giao cháu T1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do mỗi người nuôi một con chung và cả hai không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Phạm Công T được ly hôn chị Vũ Thị Huyền A.

2. Xử về con chung: Giao cho anh Phạm Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/9/2018.

Giao cho chị Vũ Thị Huyền A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Công T1, sinh ngày 21/9/2016.

Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh T và chị A đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Công T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006234 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga